

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25/01/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Ngọc P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Lê Đông Ph, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 26/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Chị và anh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn,

vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Đầu năm 2021 chị có nộp đơn ly hôn anh Ph nhưng sau đó rút đơn, tạo điều kiện cho anh Ph sửa chữa sai lầm nhưng đến nay không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Ph;

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 24/10/2012 và Lê Bảo D, sinh ngày 22/7/2003 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo T. Con chung tên Lê Bảo D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Chị chưa yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Ph vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị P, anh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Chị P xin ly hôn với anh Ph nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị P, anh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân đã khoảng 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị P cương quyết xin ly hôn, anh Ph không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung tên Lê Bảo T đang sống với chị P, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, chị P có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Con chung tên Lê Bảo D đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị P chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Ngọc P ly hôn với anh Lê Đông Ph.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 24/10/2012 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ph được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00001343 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị P đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã TB;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc